

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2023
V/v: “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06/3/2023 về việc “ Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐSXST-HNGĐ, ngày 06/4/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị D**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm Nhàng, xã K, huyện T, tỉnh P (vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Phùng Văn Đ**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm Nhàng, xã K, huyện T, tỉnh P (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Hạnh- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Sang- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Đặng Thị D** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 28/11/2011, chị và anh **Phùng Văn Đ** đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh P. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm đến năm 2019 vợ chồng chính thức ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm. Vì vậy, chị đề nghị Tòa

án nhân dân huyện T, cho chị xin ly hôn với anh Phùng Văn Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị một con chung là Phùng Thị Thu Tr, sinh ngày 27/8/2012 hiện đang sống cùng với anh Đ và Bố Mẹ anh Đ tại xã Xuân Đài, huyện T, tỉnh P. Khi ly hôn, chị đề nghị tòa án xem xét việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Phùng Văn Đ: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2023 đối với ông Phùng Sông L là Bố đẻ anh Phùng Văn Đ, ông L cho biết:

Anh Đ; chị Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã K huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn chị Đ về làm dâu tại gia đình ông, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, nay chị Đ xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị Đ; anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ; anh Đ là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

Về con chung: Đề nghị áp dụng khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao con chung Phùng Thị Thu Tr, sinh ngày 27/8/2012 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự: Chị Đ là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho phía Nguyên đơn và phía Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về hôn nhân: Việc chị Đ; anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên. Thấy rằng chị Đ; anh Đ là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến

mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị **D** đối với anh **Đ**.

Về con chung: Có một con chung Phùng Thị Thu Tr, sinh ngày 27/8/2012 hiện đang sống cùng với anh **Đ** và Bố Mẹ anh **Đ** tại xã Xuân Đài, huyện T, tỉnh P. Khi ly hôn, chị đề nghị tòa án xem xét việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ và công sức: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị **D** có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P cho chị xin ly hôn với anh Phùng Văn **Đ**, căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

[2]. Về việc vắng mặt Nguyên đơn; Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn chị **D** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh **Đ** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hải. Căn cứ vào khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử vắng mặt Nguyên đơn; Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **D**; anh **Đ** trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 28/11/2011 hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị **D**; anh **Đ** đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị **D** đối với anh **Đ** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có một con chung Phùng Thị Thu Tr, sinh ngày 27/8/2012 hiện đang sống cùng với anh **Đ** và Bố Mẹ anh **Đ** tại xã Xuân Đài, huyện T, tỉnh P. Khi ly hôn theo nguyện vọng của chú Tr xin được ở cùng với anh **Đ**. Bên cạnh đó, kể từ khi chị **D**; anh **Đ** ly thân anh **Đ** cùng với bố mẹ anh **Đ** là người thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr. Căn cứ vào những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh **Đ** nuôi dưỡng co chung là phù hợp với quy định tại khoản 1,2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ

chồng: Chị **D** không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình giải quyết vụ án, anh **D** vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị **D**; anh **D** có yêu cầu thì anh; chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên, là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,2 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị **D** được ly hôn anh Phùng Văn **D**.

Về con chung: Giao cháu Phùng Thị Thu Tr, sinh ngày 27/8/2012 cho anh Phùng Văn **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 5 năm 2023 đến khi thành niên. Chị **D** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị **D** không yêu cầu và anh **D** vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đặng Thị **D** phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị **D** đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0007514 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P.

Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị **D** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Anh Phùng Văn **D** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 30 tháng 9 năm 2021.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 50 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Bùi Hồng Đào.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 về việc “Xin ly hôn, nuôi con chung” giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Chung**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm Lấp, xã Xuân Sơn, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **D Văn Hải**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu Suối Bòng, xã Xuân Đài, huyện T, tỉnh P.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1- Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 các thành viên tán thành.

2- Về nội dung:

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Chung được ly hôn với anh **D Văn Hải**.

Về con chung: Giao hai cháu **D** Thị Thu Thủy, sinh ngày 01/3/2010 và **D** Minh Quân, sinh ngày 26/3/2013 cho anh **D** Văn Hải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi hai cháu thành niên. Chị Chung không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị Chung không yêu cầu và anh Hải vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hà Thị Chung phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Chung đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0003158 ngày 06/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P.

Kết quả biểu quyết 3/3 các thành viên tán thành.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nghị

Bùi Hồng Đào

Đinh Văn Chí

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Hương Nộn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Chí

